萬能科技大學 114 學年度第 2 學期國際專修部(春季班)申請入學

成績查詢作業說明

HƯỚNG DẪN TRA CỨU HỆ THỐNG ĐĂNG KÝ BÁO DANH TRỰC TUYẾN

TUYỂN SINH HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027 (học kỳ mùa thu)

KHOA CHUYÊN TU QUỐC TẾ CỦA ĐẠI HỌC KHKT VẠN NĂNG

一、 開放查詢成績時間: 2026/04/23　15:00 起開放查詢。Thời gian mở tra cứu kết quả: Bắt đầu từ 15:00 ngày 23/04/2026.

二、 查詢成績網址: https://saip.vnu.edu.tw/admission/index.aspx

Trang web tra cứu kết quả : https://saip.vnu.edu.tw/admission/index.aspx

三、 選擇報名類別: Application of 1+4 International Foundation Program Spring Semester 2026

Chọn hạng mục báo danh: Đơn đăng ký Chương trình Dự bị Quốc tế 1+4 cho học kỳ mùa thu năm 2026-2027.

萬能科技大學 VANUNG UNIVERSITY 招生網路報名系統

編號	考 試 名 稱
1	萬能科技大學115學年度研究所碩士班招生 (報名時間：115年3月23日（星期一）9:00起至5月14日（星期四）15:00止)
2	萬能科技大學115學年度四技重點運動項目績優學生單獨招生 (報名時間：115年2月23日(星期一) 09:00起至115年5月2日(星期六)15:00止)
3	萬能科技大學115學年度研究所碩士在職專班招生 (報名時間：114年12月22日（星期一）9:00起至115年5月22日（星期五）15:00)
4	115學年度萬能科技大學二技進修部申請入學招生 (報名時間：114年12月1日(星期一)起至115年8月20日(星期四)23:59止)
5	115學年度萬能科技大學四技進修部申請入學招生 (報名時間：114年12月1日(星期一)起至115年8月20日(星期四)23:59止)
6	114學年度外國學生申請入學春季班 Application of International Student Degree Program Spring Semester 2026 (Apply on line from 2025/10/1 to 2025/12/10 the application system will be closed at 16:00, December 10th , 2025)
7	115學年度高中生四技申請入學 (查詢)
8	115學年度第1學期國際專修部 Application of 1+4 International Foundation Program Fall Semester 2026-2027 (Apply on line from 2026/3/16 to 2026/4/15 the application system will be closed at 15:00,April 15th , 2026)
9	114學年度第2學期轉學考試 (報名時間：114年12月5日(星期五)9:00起至115年1月29日(星期四)15:00止)
10	萬能科技大學115學年度碩士班甄試入學 (報名時間：114年11月26日(星期三)9:00起至114年12月29日(星期一)15:00)
11	114學年度第2學期國際學生產學合作專班(春季班) Application of International Bachelor Degree Program of Industry-Academia Collaboration Spring Semester 2026 (Apply on line from 2025/10/1 to 2025/11/19 the application system will be closed at 12:00, November 19th , 2025)
12	115產攜僑生專班 (成績查詢)
13	2026年單獨招收僑生及港澳生申請入學 (成績查詢)

四、 填寫身分證字號 ： 請輸入報名時所填寫之身分證字號

Điền số căn cước công dân: Vui lòng điền số căn cước đã điền khi đăng ký báo danh.

五、 填寫出生年月日: 請輸入出生年月日，請注意出生年需換算成中華民國年，西元年-1911=民國年 (如: 2006 年出生，換算民國年 2006-1911=95 年)

Điền ngày tháng năm sinh: Vui lòng điền ngày tháng năm sinh,,
lưu ý năm sinh phải chuyển đổi thành năm Trung Hoa Dân Quốc.
Công thức: năm dương lịch - 1911 = năm Trung Hoa Dân Quốc (Ví dụ: Sinh năm 2006, chuyển đổi thành năm Dân Quốc: 2006 - 1911 = 95).

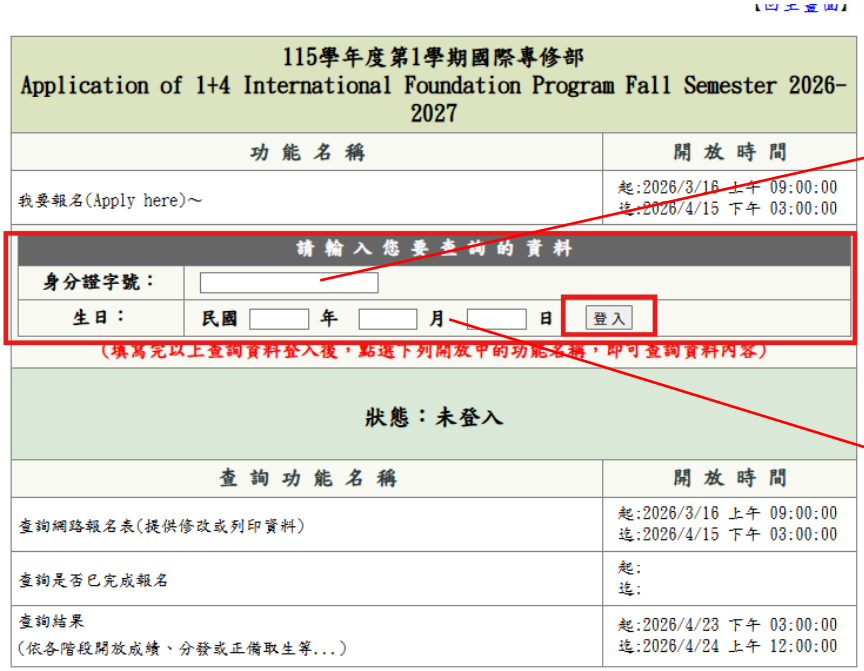

115學年度第1學期國際專修部
Application of 1+4 International Foundation Program Fall Semester 2026-2027

功 能 名 稱	開 放 時 間
我要報名(Apply here)～	起:2026/3/16 上午 09:00:00 迄:2026/4/15 下午 03:00:00

請 輸 入 您 要 查 詢 的 資 料

身分證字號：

生日： 民國 年 月 日 登入

(填寫完以上查詢資料登入後，點選下列開放中的功能名稱，即可查詢資料內容)

狀態：未登入

查 詢 功 能 名 稱	開 放 時 間
查詢網路報名表(提供修改或列印資料)	起:2026/3/16 上午 09:00:00 迄:2026/4/15 下午 03:00:00
查詢是否已完成報名	起: 迄:
查詢結果 (依各階段開放成績、分發或正備取生等...)	起:2026/4/23 下午 03:00:00 迄:2026/4/24 上午 12:00:00

Vui lòng điền số căn cước đã điền khi đăng ký.

Điền ngày tháng năm sinh: Vui lòng điền ngày tháng năm sinh,,
lưu ý năm sinh phải chuyển đổi thành năm Trung Hoa Dân Quốc.
Công thức: năm dương lịch - 1911 = năm Trung Hoa Dân Quốc (Ví dụ: Sinh năm 2006, chuyển đổi thành năm Dân Quốc: 2006 - 1911 = 95).

六、 填寫完成後按”登入，送出查詢 Sau khi điền xong, chọn "登入Đăng nhập" để gửi và tra cứu.

七、 查詢成績

Kiểm tra kết quả đăng ký đã hoàn thành hay chưa

【回主畫面】

115學年度第1學期國際專修部 Application of 1+4 International Foundation Program Fall Semester 2026-2027	
功 能 名 稱	開 放 時 間
我要報名(Apply here)~	起:2026/3/16 上午 09:00:00 迄:2026/4/15 下午 03:00:00

請 輸 入 您 要 查 詢 的 資 料	
身分證字號：	
生 日：	民國 年 月 日 已登入

（填寫完以上查詢資料登入後，點選下列開放中的功能名稱，即可查詢資料內容）

狀態：已登入，【 NGUYEN [redacted] 】歡迎您~ 登出

查 詢 功 能 名 稱	開 放 時 間
查詢網路報名表(提供修改或列印資料)	起:2026/3/16 上午 09:00:00 迄:2026/4/15 下午 03:00:00
查詢是否已完成報名	起: 迄:
查詢結果 (依各階段開放成績、分發或正備取生等...) 開放中~	起:2026/4/23 上午 12:00:00 迄:2026/4/24 上午 12:00:00

八、 成績查詢結果 Kết quả kiểm tra

查詢結果

報名類別：	Application of 1+4 International Foundation Program Fall Semester 2026-2027
姓名：	NGUYEN NHU Y
申請科系：	Food and Beverage Management
高中學業成績總平均：	–
說明：	Đợt sàng lọc giai đoạn 1 lần này áp dụng cho những thí sinh sinh từ ngày 01/01/2007 trở về sau.

回功能選單

九、 對甄試成績如有疑問可於規定時間內以傳真申請複查， 逾期恕不受理。 Nếu thí sinh có thắc mắc về kết quả xét tuyển, có thể nộp đơn xin xem lại điểm bằng fax trong thời gian quy định; quá thời hạn sẽ không được giải quyết.

- 初試成績複查截止時間 2026 年 04 月 24 日 12:00 前 Hạn cuối nộp đơn xem lại điểm vòng sơ tuyển: trước 15:00 ngày , 24/04/2026。
- 複 查 成 績 申 請 表 下 載 ：

https://www.oia.vnu.edu.tw//DOC/oia/1065/70d25825-0b92-4c15-a64e-f22c925663d1.pdf Tải về mẫu đơn yêu cầu phúc khảo điểm: https://www.oia.vnu.edu.tw//DOC/oia/1065/70d25825-0b92-4c15-a64e-f22c925663d1.pdf

十、 依據考生第一階段高中平均成績篩選，由各系訂定之面試名額，依考生高中平均總成績高低錄取進入第二階段面試。面試名單預計於 2026 年 4 月 24 日 15:00 公告於招生專區。
https://www.oia.vnu.edu.tw/5106?s=5107
Căn cứ theo sàng lọc điểm trung bình học lực THPT của thí sinh ở giai đoạn 1, mỗi khoa sẽ quy định chỉ tiêu phỏng vấn của mình và tuyển chọn những thí sinh có tổng điểm trung bình THPT cao hơn để vào giai đoạn 2 (phỏng vấn). Danh sách phỏng vấn và các lưu ý dự kiến sẽ được công bố vào lúc 15:00 ngày 24/04/2026 trên khu vực thông tin tuyển sinh: https://www.oia.vnu.edu.tw/5106?s=5107

十一、 各系預計面試名額如表列: Chỉ tiêu phỏng vấn dự kiến của từng khoa được liệt kê trong bảng dưới đây:

科系 Khoa ngành	面試名額 Số lượng phỏng vấn
資訊工程系 Khoa kỹ thuật thông tin	65
精密機械與工業工程系 Khoa công nghệ cơ khí và kỹ thuật công nghiệp	83
觀光與休閒事業管理系 Khoa quản lý kinh doanh du lịch và giải trí	97
行銷與流通管理系 Ma Khoa quản lý marketing và logistics	102
餐飲管理系 Khoa Quản lý Nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	54
航空光機電系 Khoa Kỹ thuật Hàng không và Cơ điện tử Quang học	18